

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD5+CLO	7:25	13+2+7	0+0+0		11+0+11	0+0+0	SU CO TD5
2		CLO+TD1	9:25	18+3	0+0		12+10	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD1 - TD5 - CLO	CREW: HỒI - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV V.A	TD1	22	1	8		112	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN THANH LUAN	TD1	12-13	2	8		76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	17	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆU	TD1	18	1	7	40	75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	19	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	21	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	23	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	24	1	11		73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	16	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HAI HÒA-ĐK	TD1	25	1	5		79	CỤC ĐK	Vietnamese
12	BUI SONG TOÀN-ĐK	TD1	20	1	5		74	CỤC ĐK	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	14-15	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH LAM	TD5					63	KHOAN	Vietnamese
15	DAO THE VU	TD5	01	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	02	65	5	18	87	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	01	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN CÔNG PHU	CLO	04	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TƯỜNG LONG	CLO	06	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	07	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VĂN ĐƯỢC	CLO	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	03	1	3		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	13	14	75	970	40	11		
2	TD5	2	1	6	134	0	0		
3	CLO	7	71	30	527	18	11		
TOTAL		22	86	111	1.631	58	22		
WEIGHT KG				111	1.631	58			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: CLO - TD1	CREW: Hồi - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	13	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN KIM HUNG	CLO	09	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
3	BUI TRẦN QUANG	CLO	11	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
4	BUI TRẦN NAM	CLO	21	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
5	MAI VĂN HỘI	CLO	12	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN VINH	CLO	26	1	15		81	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TRUNG SƠN	CLO	27	1	7		72	D-HANH	Vietnamese
8	TÀNG TIẾN TOÀN	CLO	10	1	15		80	DVL	Vietnamese
9	PHẠM HAI LONG	CLO	17-18	2	10		80	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐUNG	CLO	14	1	15		59	DVL	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN CHUNG	CLO	15	1	16		71	DVL	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐAM	CLO	19	1	8		70	DVL	Vietnamese
13	BUI VĂN QUÂN	CLO	22	1	15		78	BAKER HU	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH CUONG	CLO	25	1	13		72	BAKER HU	Vietnamese
15	LÊ VĂN BIÊN	CLO	24	1	13		63	BAKER HU	Vietnamese
16	THAI DOAN MAO	CLO	23	1	10		68	BAKER HU	Vietnamese
17	VO THANH DOAN	CLO	16	1	8		72	BAKER HU	Vietnamese
18	NGO MINH CHANH	CLO	20	1	10		60	BAKER HU	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	29	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD1	30-31	2	18		80	DVL	Vietnamese
21	ĐẠU VIỆT BÁC	TD1	28	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	19	183	1.276	0	10		
2	TD1	3	4	24	235	0	10		
TOTAL		21	23	207	1.511	0	20		
WEIGHT KG				207	1.511	0			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+TD2+AMD	7:25	9+9+4	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
2		TTCl+P6+P5	7:25	5+1+16	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYẾN 1 TTCl-P6
3		BK8+P1+P7	7:25	6+10+6	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
4		CTK3+TD2+BK6	7:25	3+14+5	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYẾN 2 CTK3-ID2
5		P4+TTCl2	9:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
6		P3+P2	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
7		HSD+AMD+TGT H5	9:25	4+14+2	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
8		TD3+P2+TTCl2	9:25	3+19+0	0+0+0		2+13+7	0+0+0	
9		P7+P4	11:25	13+8	0+0		12+10	0+0	
10		RCDM+RC6+P2	11:25	12+0+8	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
11		BK5+P1	11:25	0+17	0+0		1+20	0+0	CHUYẾN 4 BK5- P1
12		VSP01-P5+TTCl	11:25	18+0	0+0		17+5	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY TTCl-SNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK5 - TD2 - AMD	CREW: Phong - Linh - THU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	BK5	75	1	4		105	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN TRƯỜNG TÙNG	BK5	78	1	5		68	D-HANH	Vietnamese
3	BOMBUROV E.N.	BK5	80	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	ĐỖ HIỆP PHÚ	BK5	73	1	5		53	ANTOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TẬP	BK5	74	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THẾ DƯƠNG	BK5	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THI	BK5	81	1	4		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	BK5	77	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	POROMARENKO A	TD2	01	1	5		110	KHOAN	Russian
11	DOROSHENKO M.K	TD2	04	1	7		92	KHOAN	Russian
12	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	08	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	KROHALEV M.A	TD2	03	1	5		85	KHOAN	Russian
14	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	06-07	2	10	30	53	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	09	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	BUI HỮU HỒNG	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
17	VUONG DINH LIEN	TD2	02	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	68-69	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	72	1	5	25	68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG THẾ HIỂN	AMD	71	1	7	80	72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	70	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	9	42	639	0	4		
2	TD2	9	9	45	682	30	14		
3	AMD	4	5	33	273	105	4		
TOTAL		22	23	120	1.594	135	22		
WEIGHT KG				120	1.594	135			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 12	TO: TTC1 - P6 - P5	CREW: Hồi - Dương - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	TTC1					72	D-HANH	Vietnamese
2	DO VAN QUYET	TTC1					88	D-HANH	Vietnamese
3	TRINH HOANG NGUYEN	TTC1	31-32	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
4	KYREEV	TTC1	33	1	5		95	NIPI	Russian
5	SAVELEV V	TTC1	34	1	4		108	NIPI	Russian
6	NGUYEN TRONG KHUE	P6	05	1	15		66	XAY LAP	Vietnamese
7	DUONG DIEP PHI	P5				50	77	KHOAN	Vietnamese
8	VANEEV DIMITRY	P5	45	1	18	8	100	KHOAN	Russian
9	PHAM VAN THIET	P5	43	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	VU NGOC THANH	P5					72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI DUONG	P5	48	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TINH	P5	39	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TUAN*PK-PVD	P5	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY LINH	P5	53	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN VAN THANH	P5	41	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGO HONG GIANG-PVDT	P5	40	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG OANH	P5	42	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
18	DO DUC ANH*PK-PVD	P5	51-52	2	10		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU DAT*TN-PVD	P5	49-50	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
20	QUACH THE ANH	P5	47	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG VIET	P5	37	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
22	DAO DINH HUY	P5	38	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	4	18	429	0	0		CHUYEN 1 PAX TU TTC1 SANG P6
2	P6	1	1	15	66	0	1		
3	P5	16	16	120	1.173	58	21		
TOTAL		22	21	153	1.668	58	22		
WEIGHT KG				153	1.668	58			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK8 - P1 - P7	CREW: Vận - NPhú - N Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.M	BK8	07	1	11		95	KH-THAC	Russian
2	NGO VAN MAY	BK8	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN TINH	BK8	11	1	5	60	63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG GIANG	BK8	06	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAVTSOV ALEXANDER	BK8	08-10	3	20		80	DVL	Russian
6	LE VAN THINH	BK8	13	1	7		64	PSV	Vietnamese
7	TSOPANOV A.V	P1	71	1	10		73	KH-THAC	Russian
8	LE NGOC HAI	P1	68	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TUAN VU	P1	70	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TRUNG CHINH	P1	77	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU DUNG	P1	75	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN KIM CUONG	P1	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DINH PHUC	P1	73	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LONG BIEN	P1	72	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM BA NGAN	P1	69	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LE KIEN TRUNG	P1	76	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HOANG THI	P7	77	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HAI LAM	P7	76	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG HUE	P7	19	1	7	30	60	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG QUOC VUONG	P7	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	DINH HOAI NAM	P7	81	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN SON	P7	80	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	8	58	449	60	6		
2	P1	10	10	53	729	0	6		
3	P7	6	6	36	425	30	10		
TOTAL		22	24	147	1.603	90	22		
WEIGHT KG				147	1.603	90			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - TD2 - BK6	CREW: Khang - KHOAN - Huy	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN TÂM	CTK3	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRI	CTK3	01	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỢI	CTK3	99,300	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUY TUYỀN	TD2	45	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	39	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	CAO VĂN LỢI	TD2	42	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	MAI VĂN HOÀNG	TD2	43	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VIỆT LINH	TD2	40	1	5		94	KHOAN	Vietnamese
9	NG CAO CUONG*PK-PVD	TD2	46	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HUNG	TD2	48	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	TD2	44	1	5	50	80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM HUY NAM	TD2	49-50	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC PHƯỢNG	TD2	47	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
14	VÔ THANH NHẬT	TD2	56	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	55	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN BA DUNG	TD2	52	1	5		48	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THẮNG	TD2	51	1	6		85	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CỬ	BK6	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	31	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	VÔ ANH NGỌC	BK6	35	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CÔNG LƯU	BK6	32-33	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	34	1	4		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	4	20	185	0	0	2	CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG TD2
2	TD2	14	15	89	1.004	50	7		
3	BK6	5	6	40	329	60	15		
TOTAL		22	25	149	1.518	110	22		
WEIGHT KG				149	1.518	110			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: P4 - TTC2	CREW: Phong - Linh - THU	ETA: 11:10
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARJIEV M. M-C	P4	58	1	13		79	KH-THAC	Russian
2	SAGIROV M. S.	P4	50	1	10		73	KH-THAC	Russian
3	SOKOLUC C. M.	P4	57	1	6		85	KH-THAC	Russian
4	VLASOVA A. M.	P4					75	KH-THAC	Russian
5	ĐỖ HỮU NAM	P4	55	1	15	20	72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN SĨ TUẤN	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐỨC	P4	48	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VINH	P4	60	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO MINH TUẤN	P4	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P4	67	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	64	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LÂM VĂN PHÚC	P4	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN CHIẾN	P4	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH SƠN	P4	68	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM XUÂN HAI	P4	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	59	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HAI	P4	51	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THANH CAM	P4	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	63	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC MINH	P4	53	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN CÔNG TÌNH	P4	54	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	20	144	1.569	20	18		
2	TTC2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	20	144	1.569	20	22		
WEIGHT KG				144	1.569	20			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: P3 - P2	CREW: Hôi - Dương - Năm	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TỬ	P3	80	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THÀNH	P3	78	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	82	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ KHAI ĐẠT	P3	88-89	2	15		95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	81	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
6	VĂN MINH TÂN	P3	83	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
7	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG THANH	P3	90	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH THANH TAM	P3	84	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG KHANH	P3	02	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH HUNG	P3	98	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
12	TÔ TIẾN HUNG	P3	86-87	2	10		74	CODIEN	Vietnamese
13	TRỊNH HOÀI ĐỨC	P3	93-94	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN ANH QUANG	P3	85	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC QUÂN	P3	91-92	2	15	18	76	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	P3	95	1	10	12	75	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM ANH TỰ	P3	04	1	3	43	76	GETRACO	Vietnamese
18	LÊ TRUNG TIẾN	P3	01	1	6		70	GETRACO	Vietnamese
19	DOAN ĐẶC THỪA	P3	800	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
20	BUI VĂN QUỐC	P3	99	1	3		57	GETRACO	Vietnamese
21	TRẦN VĂN KỶ	P3	79	1	7		65	YTE	Vietnamese
22	DƯƠNG TRƯỜNG LÂM	P2	42	1	5	40	67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	21	25	178	1.514	73	20		
2	P2	1	1	5	67	40	2		
TOTAL		22	26	183	1.581	113	22		
WEIGHT KG				183	1.581	113			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: HSD - AMD - TGTH5	CREW: Vận - NPhú - NNam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HSD	65-66	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HÀ VĂN THUY	HSD	63-64	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HSD	60	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NHA	HSD	61-62	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH NGŨ	AMD	81	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH BÌNH	AMD	86-88	3	17		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG THANH	AMD	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	04	1	10	35	68	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HỮU CHÍNH	AMD	03	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ BA THANH	AMD	84	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	82	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH TUẤN	AMD	01	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	02	1	3	55	58	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	89-90	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	83	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	85	1	6		54	PSV	Vietnamese
18	LÊ VINH QUANG	TGTH5	12-13	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU CUÔNG	TGTH5	10-11	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	7	40	292	0	3		
2	AMD	13	16	94	886	90	17		
3	TGTH5	2	4	20	154	0	2		
TOTAL		19	27	154	1.332	90	22		
WEIGHT KG				154	1.332	90			

GRAND TOAL: 1.576 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: TD3 - P2 - TTC2	CREW: Khang - KHOAN - Huy	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THĂNG	TD3	01	1	12		70	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD3	02	1	13		77	DVL	Vietnamese
3	LÊ PHU PHÚC	TD3	03	1	8		87	DVL	Vietnamese
4	VÕ DUY TOÀN	P2	54	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO HUU NGUYỄN	P2	63	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	60	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	53	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HÙNG	P2	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÀN	P2	66	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	58	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ NGHĨA TÀI	P2	61	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN THAI	P2	67	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HUNG	P2	55	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THIÊN	P2	64	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TÂN	P2	52	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HUY QUYNH	P2				52	67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ SỸ VANG	P2	62	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ VĂN NIN	P2	59	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN MINH XANH	P2	57	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	3	33	234	0	2		
2	P2	19	16	93	1.255	52	13		
3	TTC2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	19	126	1.489	52	22		
WEIGHT KG				126	1.489	52			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: P7 - P4	CREW: Phong - Linh - DTùng	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN DINH PHAC	P7	34	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG TRONG BAI	P7	37	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
3	DAO TUAN CHU	P7	33	1	2		68	PSV	Vietnamese
4	MAI CONG LAN	P7	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC SON	P7					79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VAN PHUONG	P7	35	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM DANG GIANG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRONG HIEU	P7	36	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	P7	46	1	10	97	60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM TRUNG HIEU	P7	40	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC HUNG	P7	41	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUY KHANH	P7	38-39	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HUU LONG	P7	31	1	2		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN HUU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM MINH TOAN	P4	75-76	2	16		57	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NAM	P4	71	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG KHAC DU	P4	74	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC HUNG	P4	72	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUNG BAY	P4	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LAI MINH HOANG	P4	70	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUOC VINH	P4	69	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	13	12	80	923	97	11		
2	P4	8	8	39	545	0	11		
TOTAL		21	20	119	1.468	97	22		
WEIGHT KG				119	1.468	97			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: RCDM - RC6 - P2	CREW: Hồi - Dương - Năm	ETA: 13:15
VANG-3			

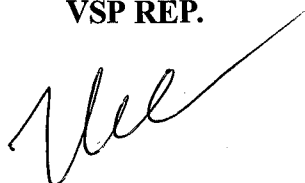
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ NGỌC HIẾU	RCDM	99	1	5	40	65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH THẮNG	RCDM	2000	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÙNG	RCDM	96	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN MAI	RCDM	39-40	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG MINH HOANG	RCDM	98	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	RCDM	41	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN MINH	RCDM	43-44	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO QUYẾT THẮNG	RCDM	42	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VIỆT HUY	RCDM	15	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
10	HOA QUANG THANG	RCDM	36-37	2	11		65	XAY LAP	Vietnamese
11	TRAN DANH LUAT	RCDM	38	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN DUNG	RCDM	97	1	1		72	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM QUANG HUY	RCDM	16	1	3		63	PSV	Vietnamese
14	HA CHIẾN THẮNG	P2	75	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ CHÈ LINH	P2	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	79	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN SƠN	P2	74	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH HIẾN	P2	77	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN NAM	P2	78	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ARKHIPOV	P2	76	1	14		101	ANTOAN	Russian
21	LUONG VIET HOP	P2	81-83	3	20		64	NHON TR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

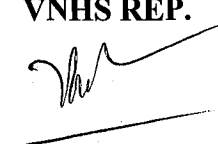
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	13	16	136	859	40	0		
2	RC6	0	0	0	0	40	5		
3	P2	8	10	69	611	0	17		
TOTAL		21	26	205	1.470	80	22		
WEIGHT KG				205	1.470	80			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	TO: BK5 - P1	CREW: Vậ - VLin - Toan	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HOÀNG NHÂN	P1	91	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÈ VINH	P1	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	87	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ NAM CUÔNG	P1	83	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG CÔNG AN	P1	82	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ QUANG ANH	P1	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THẮNG	P1	86	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ HỒNG HAI	P1	81	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ANH SƠN	P1	78	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUY	P1	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BÁC	P1	80	1	7		51	KH-THAC	Vietnamese
13	HÀ VĂN CẢNH	P1	79	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P1	92	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ THANH HÙNG	P1	90	1	5		74	YTE	Vietnamese
16	VŨ NGỌC HÙNG	P1	89	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	70	1+4		CHUYỂN 4 PAX BK5 SANG P1
2	P1	16	16	93	1.043	0	21		
TOTAL		16	16	93	1.043	70	22		
WEIGHT KG				93	1.043	70			

GRAND TOTAL: 1.206 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 02	TO: VSP01 - P5 - TTC1	CREW: Khang - XHOÀN - Huy	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN XUAN CUONG	VSP01	13	1	14		71	COKHI	Vietnamese
2	NGUYEN KHANH HUNG	VSP01	14-16	3	19		71	COKHI	Vietnamese
3	TONG XUAN SINH	P5	73	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	P5	62	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DINH TU	P5	63	1	5	23	75	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG VAN THANH	P5	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGOC	P5	72	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRONG NGHIA	P5	61	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CAO MANH	P5	74	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUY TRUNG	P5	67	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG THANG	P5	68	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	VU PHUONG HUONG	P5	59	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN TOAN	P5	76-77	2	13		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG KHANG	P5	66	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN QUYET THANG	P5	57-58	2	12		64	Y TE	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	P5	71	1	6		64	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN TINH	P5	69-70	2	8		71	PSV	Vietnamese
18	DO LY KHANH	P5	75	1	6		90	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HONG DUONG	P5	65	1	5		55	PSV	Vietnamese
20	DO THANH CHUONG	P5	60	1	4		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	2	4	33	142	0	0		
2	P5	18	21	113	1.227	23	17		
3	TTC1	0	0	0	0	50	5		
TOTAL		20	25	146	1.369	73	22		
WEIGHT KG				146	1.369	73			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1+P5	7:25	13+9+0	0+0+0		5+6+11	0+0+0	CHUYỂN 2 TD3 TD1
2		TD5+P8	7:25	15+2	0+0		17+5	0+0	
3		PPD+CTK3+TD3	9:25	5+5+12	0+0+0		2+3+17	0+0+0	
4		P1+RP3	9:25	15+3	0+0		12+9	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - TD1 - P5	CREW: Phong - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	17	1	10		90	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	11-12	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THỌ	TD3	15-16	2	10		50	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG MINH TOAN	TD3	04	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGOC HUNG	TD3	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN HUNG*PK-PVD	TD3	05-06	2	12	20	65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	08	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
8	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	13	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	14	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	07	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN THẮNG LỢI	TD3					50	KHOAN	Vietnamese
13	BUI HỮU VŨNG	TD3	10	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HẢI	TD1	57	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN ANH	TD1	33	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TD1	41	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD1	58	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN GIANG	TD1	36	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD1	38	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	TD1	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ANH TUẤN	TD1	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	34-35	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	14	96	912	20	5	2	CHUYEN 02 PAX TU TD3 SANG TD1
2	TD1	9	10	82	706	0	6		
3	P5	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	24	178	1.618	20	22		
WEIGHT KG				178	1.618	20			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD5 - P8	CREW: Hồi - Linh - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ THANH TÙNG	TD5				80	92	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HAI	TD5	15	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH DUY THANH	TD5	22	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	05	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THỂ	TD5	11	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	16	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	13	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	02	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ XUÂN ANH*PK-PVD	TD5	14	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	09	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DUY	TD5	10	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	NG XUÂN THUY*TN-PVD	TD5	07-08	2	14		59	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	04	1	12		81	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	06	1	3		79	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TUÂN	TD5	03	1	5		82	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN LỘC	P8	97-98	2	20	15	56	XAYLAP	Vietnamese
17	LƯU QUÝ DUNG	P8	99,1000	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	15	85	1.099	80	17		
2	P8	2	4	38	110	15	5		
TOTAL		17	19	123	1.209	95	22		
WEIGHT KG				123	1.209	95			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

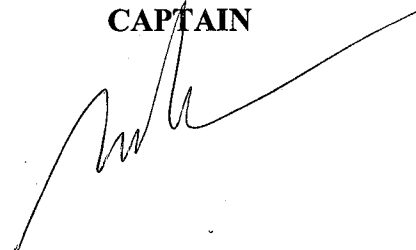
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - CTK3 - TD3	CREW: Phong - CHIẾN - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN YÊN	PPD	600	1	5	20	56	KHI	Vietnamese
2	VŨ NGỌC CÀNH	PPD	38	1	12	78	79	CODIEN	Vietnamese
3	BUI ĐỨC HẬU	PPD	36	1	9		62	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THỦ	PPD	37	1	8		50	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC THUẬN	PPD	99	1	8		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN DINH QUANG	CTK3	05	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
7	PHẠM MẠNH HIỆN	CTK3	03	1	2		61	LILAMA	Vietnamese
8	TU DẠNG TUÂN	CTK3	04	1	5		56	LILAMA	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN CAU	CTK3	06	1	7		47	LILAMA	Vietnamese
10	LÊ THẾ LONG	CTK3	07-09	3	20		67	LILAMA	Vietnamese
11	PHẠM THẾ QUANG	TD3	21	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LẠI ANH TUÂN	TD3	19-20	2	15		98	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI XUÂN TRƯỜNG	TD3	22	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TIẾP	TD3	32	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH MUỐI	TD3	28	1	4		75	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỤC	TD3	31	1	9		93	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD3	29	1	6		82	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	26	1	2		63	PSV	Vietnamese
19	HỒ SỸ THANH	TD3	30	1	3		59	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUÂN	TD3	27	1	2		71	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	24	1	2	21	67	PSV	Vietnamese
22	PHAN CHÍNH QUY	TD3	25	1	5		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	5	42	322	98	2		DIEU PHAI: DINH MANH DUC
2	CTK3	5	7	39	296	0	3		
3	TD3	12	13	77	889	21	17		
TOTAL		22	25	158	1.507	119	22		
WEIGHT KG				158	1.507	119			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: P1 - RP3	CREW: Hồi - Linh - N Nam	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHOAI	P1	64	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN QUYÊN	P1	94	1	10	28	70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN TÚC	P1	97-98	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRẦN	P1	65-66	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LONG	P1	99	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN VUI	P1	56	1	12		8	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM HOANG	P1	800	1	15		48	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ PHÚC HOANG	P1	96	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ CÔNG NAM	P1	53	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG CHUNG	P1	60-61	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI TRỌNG TRIU	P1	62-63	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ THANH LONG	P1	54-55	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ANH ĐỨC	P1	58	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P1	59	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ THANH NAM	P1	57	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM THAI SƠN	RP3	03-04	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI DUY TÂN	RP3	02	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH NGỌC	RP3	01	1	12		87	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	15	20	192	937	28	13		
2	RP3	3	4	39	231	0	9		
TOTAL		18	24	231	1.168	28	22		
WEIGHT KG				231	1.168	28			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN